

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2023
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Lê Văn Lì

2/. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2023/TLST-HN ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị M**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn GT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2/. Bị đơn: Ông **Lê Thanh L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp 4, xã LĐĐA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà M có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hồ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lê Thanh L chung sống với nhau vào khoảng năm 2010, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo bà M xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng ông bà sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do bà phát hiện ông L có quan hệ với phụ nữ khác,

nên không còn thương yêu bà nữa. Vợ chồng ông bà đã ly thân khoảng 03 năm nay. Hiện tại vợ chồng không thể hàn gắn mâu thuẫn được, và bà cũng không còn tình cảm với ông L, nên bà xin ly hôn với ông Lê Thanh L.

Về quan hệ con chung: vợ chồng ông bà chung sống với nhau không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M xác định vợ chồng ông bà không có tài sản chung, không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà. Khi ly hôn bà M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với ông Lê Thanh L: Mặc dù ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông L theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng là đúng theo quy định của pháp luật, đối với bị đơn là chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: bà M và ông L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông L.

Về con chung: bà M và ông L chung sống không có con chung, nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do bà M và ông L không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông L. Ông L có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà M có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M.

Ông L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông L vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2] Về nội dung vụ án: bà M và ông L chung sống với nhau vào khoảng 2010, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân cách đây khoảng hơn 03 năm. Hiện tại bà M có yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà M và ông L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa bà M và ông L không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà M xin ly hôn với ông L thì Hội đồng xét xử không tuyên giải quyết cho bà M và ông L ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông L là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà M và ông L chung sống với nhau không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà M và ông L không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Hồ Thị M và ông Lê Thanh L là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Hồ Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010000 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Hồ Thị M và ông Lê Thanh L biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng